TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/DS-PT
Ngày 07 – 5 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLPT-DS, ngày 11 tháng 03 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Hồng Đ, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Hồng Đ: Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn*: 1. Ông Ngô Văn C, sinh năm 1978

2. Bà Trương Mỹ L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn C: Ông Lư Trường L1, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Văng C1 và bà Trương Mỹ L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ trình bày: Vào khoảng tháng 01 năm 2022, bà có đưa cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C2 và bà Trương Mỹ L số tiền là 5.900.000.000 đồng (Năm tỷ chín trăm triệu đồng). Số tiền được bà chuyển cho vợ chồng ông C2 nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 11/01/2022 vay 800.000.000 đồng (T trăm triệu đồng); Lần 2: Ngày 15/01/2022 vay 1.300.000.000đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng); Lần 3: Ngày 19/01/2022 vay 1.500.000.000đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng); Lần 4: Ngày 24/01/2022 vay 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng). Số tiền trên bà đều tính lãi suất là 36%/năm.

Tuy nhiên, đã hơn một tháng mà vợ chồng ông C2 không trả tiền lãi cho bà, bà có đến nhắc nhở thì được yêu cầu đưa thêm tiền cho ông C2 để đi cầm Quyền sử dụng đất. Sợ bà không tin tưởng nên ông C2 có dẫn bà đi xem mảnh đất ở xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Mảnh đất sau này được chuyển nhượng sang tên cho vợ chồng ông C2), vì vậy bà đã đồng ý cho ông C2 tiếp tục vay thêm lần 5 với số tiền là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) vào ngày 21/02/2022. Bà đã soạn giấy vay tiền với tổng số tiền vay cả 5 lần trên và yêu cầu vợ chồng ông C2 ký tên vào, nhưng vì ông C2 có nói là do vợ ông C2 lu bu buôn bán nên một mình ông C2 ký tên vào giấy vay tiền vì ông C2 hứa là vợ chồng ông C2 sẽ trả tiền cho bà. Bên cạnh đó ông C2 cũng có kể với bà những khó khăn của vợ chồng ông nên bà cảm thấy thương cảm và bà đã chốt lãi suất của tổng số tiền bà cho ông C2 vay là 5.900.000.000 đồng (Năm tỷ chín trăm triệu đồng) với lãi suất 24%/năm. Sau khi vay tiền, vợ chồng ông C2 thường xuyên không đóng đủ lãi và không đóng lãi đều đặn cho bà như thỏa thuận ban đầu (bảng sao kê số tiền đóng lãi vào tài khoản của bà). Đến ngày 19/01/2023. Ông C2 có đem tiền lại trả cho bà với số tiền là 1.430.000.000đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng) và ông C2 đã viết lại giấy vay tiền của bà với nội dung là đã trả được một phần nợ gốc và chốt số tiền lãi mà ông C2 đã nhiều lần gửi bà là đến ngày 24/04/2022. Bà cũng đồng ý với nội dung này nên hai bên đã ký tên vào giấy vay tiền mới vào ngày 19/01/2023. Nhưng kể từ ngày 19/01/2023 cho đến thời điểm hiện tại, vợ chồng ông C2 vẫn không hề trả tiền gốc và tiền lãi cho bà, bà đã nhiều lần yêu cầu ông C2 trả tiền cho bà nhưng ông C2 luôn phớt lờ, tìm cách tránh mặt bà, chặn liên lạc với bà, ngoài ra khi bà đến nhà ông C2 để nói chuyện tiền bạc thì bà L xua đuổi, không tiếp. Bên cạnh đó, bà tìm hiểu được gần thời gian gần đây vợ chồng ông C2 có ý định tẩu tán tài sản, nhằm mục đích khiến bà không thu hồi được nợ, điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Đỉnh điểm là có lần gia đình bà cùng vợ chồng ông C2 đã được mời lên công an thị trấn P để tiến hành hòa giải, tại đây ông C2 và bà L đều thừa nhận có thiếu nợ bà và hứa sẽ trả tiền cho bà. Tuy nhiên, sau nhiều sự việc xảy ra, bà không tin tưởng được lời hứa của hai vợ chồng ông C2 bà L nên bà quyết định khởi kiện ông C2, bà L ra Tòa án nhân dân huyện Phước Long xem xét, giải quyết. Bà có yêu cầu buộc ông Ngô Văn C và vợ là bà Trương Mỹ L trả cho bà số tiền nợ gốc còn thiếu là: 4.470.000.000

đồng (Bốn tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 24/4/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Ngô Văn C trình bày: Ông thừa nhận số tiền vay và lãi suất theo yêu cầu của bà Phạm Hồng Đ. Về mức lãi suất theo thỏa thuận: Khi ông vay tiền của bà Đ thì thỏa thuận lãi là 9%/tháng; Tuy nhiên bà Đ chỉ thừa nhận mức lãi là 2%/tháng. Trong giấy vay tiền các bên không có ghi lãi suất. Ông không có chứng cứ để chứng minh mức lãi thỏa thuận là 9%/tháng; do đó, ông thống nhất theo sự thừa nhận của bà Đ là mức lãi suất theo thỏa thuận khi bà Đ cho ông vay là 2%/tháng. Về thời gian trả lãi theo thỏa thuận: Ông đã trả lãi đủ theo thỏa thuận cho bà Đ đến hết ngày 24/4/2022; điều này được 02 bên thừa nhận tại Giấy mượn tiền đề ngày 19/01/2023. Đối với số tiền lãi đã trả trực tiếp và thông qua chuyển khoản cho bà Đ từ khi vay đến ngày 24/4/2022, ông đồng ý và không yêu cầu xem xét lại. Từ sau ngày 24/4/2022, do mỗi tháng ông không có đủ tiền để trả lãi theo thỏa thuận, nên khi nào có tiền thì ông liền chuyển khoản trả liền cho bà Đ tổng số tiền là 330.000.000 đồng. Điều này thể hiện tại ghi chú nội dung khi chuyển khoản là chuyển trả tiền lãi cho bà Đ. Khi Tòa án giải quyết, ông đề nghị đối trừ số tiền 330.000.000đồng vào tổng số tiền phải trả cho bà Đ. Tại bản tự khai ngày 05/9/2023, do nhầm lẫn nên ông đã trình bày là chuyển khoản số tiền 10.000.000đ ngày 06/6/2022 và 70.000.000đ ngày 22/10/2022 là trả lãi. Nhưng sau khi xem lại kỹ, ông xác định ông chuyển khoản 80.000.000đ vào ngày 06/6/2022 và ngày 22/10/2022 là trả tiền đóng hụi và đặt cọc mua đất, chứ không phải là trả tiền lãi.

Về sử dụng tiền vay: Số tiền ông hỏi vay của bà Đ 05 lần là 5.900.000.000 đồng thì ông cho anh Trần Minh T1, sinh năm 1982; ngụ tại Khóm B, Phường G, thành phố B và cha ruột anh T1 tên Trần Văn Â, sinh năm 1955; ngụ ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, vay lại để hưởng chênh lệch lãi suất. Thời gian mấy tháng đầu, anh T1 đóng lãi đầy đủ nên ông đã trả đủ lãi cho bà Đ. Số tiền lãi hưởng chênh lệch được ông sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân và mua sắm các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Do ông Â không có tiền trả nợ nên đến ngày 14/3/2023, ông Â chuyển nhượng lại cho ông và bà L 02 phần đất tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu:

Phần đất thứ nhất: có diện tích 2.946,2m2 đất trồng lúa tại thửa đất số 367, tờ bản đồ số 01; Phần đất thứ hai: có diện tích 1.255m^2 đất trồng lúa tại thửa đất số 413, tờ bản đồ số 01.

Tổng giá trị chuyển nhượng là 4.000.000.000đồng, được đối trừ vào số tiền mà ông Â đang thiếu vợ chồng ông (trong đó có số tiền 2.200.000.000 đồng do vợ chồng ông vay tại Ngân hàng cho ông Â vay lại, còn lại số tiền 1.800.000.000đồng có nguồn gốc từ số tiền mà ông vay của bà Đ). Khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng, ông và bà L không phải trả thêm tiền cho ông Â. Sau đó, ông và bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Vợ chồng ông đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng TMCP N - phòng G vào ngày 11/4/2023. Số tiền chuyển nhượng từ ông Â thì ông có nói rõ cho bà L nghe nên bà L đã đồng

ý cùng ông đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng đất và cùng ông ký thủ tục vay tiền tại ngân hàng.

Hiện tại, anh T1 còn thiếu ông, bà L biết anh T1 chưa trả tiền nên đã nhiều lần cằn nhằn ông là sao quá tin tưởng vào bạn bè, dẫn đến tình trạng gia đình mất cân đối tài chính. Ông thừa nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ yêu cầu trả số tiền gốc 4.470.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 24/4/2022 là đúng. Ông đồng ý trả số tiền này nhưng đề nghị đối trừ số lãi đã trả sau ngày 24/4/2022 là 330.000.000 đồng; do làm ăn thất bại nên ông xin bà Đ giảm bớt tiền lãi cho ông. Ông có trao đổi với bà L về khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng nhưng bà L không đồng ý. Cá nhân ông đồng ý trả nợ, đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ để xác định đây là nợ riêng hay là nợ chung của vợ chồng theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Trương Mỹ L (Vắng mặt) nhưng có lời khai trình bày: Việc vay tiền giữa bà Đ với ông C bà không biết. Bà không có ký tên vay tiền nên bà không đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu của bà Đ.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 01/2019 của HĐTPTANDTC ngày 11 tháng 01 năm 2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng Đ đối với ông Ngô Văn C và bà Trương Mỹ L.

Buộc ông Ngô Văn C và bà Trương Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Hồng Đ tổng số tiền là: 6.207.777.749 đồng (Sáu tỷ, hai trăm lẽ bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng).

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015".

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Ngô Văn C và bà Trương Mỹ L có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 114.207.777 đồng (Một trăm mười bốn triệu hai trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Bà Phạm Hồng Đ đã dự nộp số tiền 56.235.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai thu số: 0012837 ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long sẽ được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long trong giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về áp dụng pháp luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 23/01/2024, ông Ngô Văn C kháng cáo một phần bản án yêu cầu đối trừ số tiền lãi ông đã thanh toán sau ngày 24/4/2022 với số tiền 348.000.000 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông Ngô Văn C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 02/02/2024, bà Trương Mỹ L kháng cáo yêu cầu không buộc bà cùng có nghĩa vụ trả tiền cho bà Đ, do bà không biết việc ông C vay tiền bà Đ, bà không có sử dụng số tiền này. Tiền nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Văn Â không phải từ nguồn tiền ông C vay của bà Đ, mà từ nguồn tiền vợ chồng bà vay Ngân hàng và tích lũy từ việc nuôi cá sấu thời gian trước đây. Biên nhận mượn tiền và biên nhận chốt nợ chỉ có ông C ký tên, bà không có ký tên. Như vậy, bà Đ chỉ cho cá nhân ông C vay, Bản án sơ thẩm buộc bà cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ là chưa phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Mỹ L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Tại Văn bản yêu cầu xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ số 25/YC-VKS-DS ngày 22/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ làm rõ thời gian chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C và ông Â. Do Tòa án chưa xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Viện kiểm sát nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, bà Trương Mỹ L vắng mặt. Ngày 04/5/2024 Tòa án có nhận được đơn xin hoãn phiên tòa của bà Trương Mỹ L do ông Ngô Văn C nộp kèm theo Giấy xác nhận về việc bệnh nhân nhập viện điều trị số 100/XN-TTYT ngày 04/5/2024, của Trung tâm Y tế huyện P, xác nhận bà Trương Mỹ L, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, vào viện lúc 19 giờ ngày 03/5/2024; Hiện tại bệnh nhân đanh điều trị tại K; Chuẩn đoán tăng huyết áp.

Tuy nhiên, tại Biên bản xác minh vào lúc 15 giờ 20 phút, ngày 06/5/2024, Trung tâm Y tế huyện P xác nhận bệnh nhân Trương Mỹ L, sinh năm 1980 đã

xin về vào lúc 08 giờ ngày 06/5/2024. Hiện tại lúc xác minh không có mặt bệnh nhân Trương Mỹ L.

Xét thấy, bà Trương Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà L vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; nên không chấp nhận yêu cầu xin hoãn phiên tòa của bà Trương Mỹ L. Bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, xem như bà L từ bỏ việc kháng cáo. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trương Mỹ L.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm và quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm, ông Ngô Văn C và người đại diện theo uỷ quyền của ông C đều xác định trong thời gian từ ngày 11/01/2022 đến ngày 22/02/2022, ông C nhiều lần vay tiền của bà Phạm Hồng Đ, với tổng số tiền là 5.900.000.000 đồng. Đồng thời, ông C và bà Đ thống nhất xác định ông C đã hoàn trả cho bà Đ số tiền 1.430.000.000 đồng và còn nợ bà Đ 4.470.000.000 đồng. Về lãi suất, các bên thống nhất là 2%/tháng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của ông Ngô Văn C yêu cầu được đối trừ số tiền lãi suất mà ông đã thanh toán cho bà Đ sau ngày 24/4/2022 với số tiền 348.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế ông C có chuyển khoản trả lãi cho bà Đ sau ngày 24/4/2022 tổng cộng 07 lần vào các ngày 20, 25, 28 tháng 5 năm 2022, ngày 11, 25 tháng 6 năm 2022, ngày 25/7/2022 và ngày 25/8/2022 với tổng số tiền là 348.000.000 đồng, nhưng theo bà Đ xác định các khoản tiền mà ông C chuyển khoản cho bà Đ sau ngày 24/4/2022 là tiền đối trừ lại khoản lãi trước ngày 24/4/2022 vì các lần trước ông C đều trả thiếu nên trừ lại cho đủ, do đó đến ngày 19/01/2023 mới chốt lại là ông C đóng lãi đến ngày 24/4/2022.

Tại Giấy mượn tiền đề ngày 19/01/2023 giữa ông C với bà Đ có nội dung: "*Vào khoản thời gian từ 11/1/2022 – 24/1/2022 tôi Ngô Văn C là cán bộ Trung tâm Y tế huyện P qua nhiều lần mượn tiền tổng số 5.900.000.000đ (Năm tỷ chín trăm triệu đồng đã đóng lãi đến 24/4/2022 và hôm nay 19/1/2023 tôi có gửi cho bà Đ 2 lần 1 lần thứ nhất là 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng) lần 2 là 1.130.000.000đ tổng là (một tỷ tư ba mươi triệu đồng) (1.430.000.000đ). Vậy tôi còn nợ chị Đ là 4.470.000.000đ, số tiền mượn là để cầm đất và cho vay lại*".

Xét thấy, ông C đóng lãi sau ngày 24/4/2022 và trước ngày chốt nợ lãi là ngày 19/01/2023. Điều đó cho thấy, giữa bà Đ và ông C đã thỏa thuận hết số tiền mà ông C chuyển đóng lãi đến ngày 24/4/2022 bao gồm cả số tiền 348.000.000 đồng chuyển sau ngày 24/4/2022. Mặt khác, ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh trước ngày 24/4/2022 ông C đã đóng lãi cho bà Đ đầy đủ theo như thỏa thuận. Do đó, lời trình bày trên của bà Đ là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của ông C và người đại diện theo ủy quyền của ông C là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C.

Tại cấp sơ thẩm, về lãi suất ông C đã trả cho bà Đ từ khi vay cho đến ngày 24/4/2022 thì ông C không yêu cầu tính lại, nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết; do đó, cấp phúc thẩm cũng không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét thấy, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ thời gian chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C và ông Â là không cần thiết. Bởi lẽ, yêu cầu kháng cáo của bà L đã bị đình chỉ, ông C không kháng cáo trách nhiệm trả nợ là của cá nhân hay vợ chồng ông C. Mặt khác, tại cấp sơ thẩm, ông C xác định số tiền vay của bà Đ sử dụng vào việc nhận chuyển nhượng đất của ông Â và cho người khác vay lại để hưởng lãi chênh lệch sử dụng vào sinh hoạt gia đình. Phần đất nhận chuyển nhượng từ ông Â do vợ chồng ông C, bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, ông C và bà L là vợ chồng có đăng ký kết hôn và đang sống chung với nhau, nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình thì bà L phải chịu trách nhiệm liên đới từ các giao dịch do ông C thực hiện. Do đó, bản án sơ thẩm buộc vợ chồng ông C, bà L cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà Đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn C; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của ông C không được chấp nhận nên ông Ngô Văn C phải nộp 300.000 đồng.

Bà Trương Mỹ L đã được triệu tập hợp lệ lần hai mà không có mặt nên tiền tạm ứng án phí đã nộp được sung vào công quỹ Nhà nước.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Đều 308, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trương Mỹ L.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 01/2019 của HĐTPTANDTC ngày 11 tháng 01 năm 2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng Đ đối với ông Ngô Văn C và bà Trương Mỹ L.

Buộc ông Ngô Văn C và bà Trương Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Hồng Đ tổng số tiền là: 6.207.777.749 đồng (Sáu tỷ, hai trăm lẽ bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng).

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015".

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Ngô Văn C và bà Trương Mỹ L có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 114.207.777 đồng (Một trăm mười bốn triệu hai trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Bà Phạm Hồng Đ đã dự nộp số tiền 56.235.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai thu số: 0012837 ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long sẽ được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long trong giai đoạn thi hành án.

2.3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Ngô Văn C phải nộp 300.000 đồng. Ông Ngô Văn C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006603 ngày 23/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà L đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006624 ngày 06/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được Sung vào công quỹ Nhà nước.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Phước Long;
- CCTHADS huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Dũng